

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 56/2024/QĐ-UBND

Kon Tum, ngày 29 tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định một số nội dung về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Kon Tum

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng ngày 15 tháng 6 năm 2022;

Căn cứ Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Thông tư số 01/2024/TT-BNV ngày 24 tháng 02 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định biện pháp thi hành Luật Thi đua, khen thưởng và Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 311/TTr-SNV ngày 15 tháng 10 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định một số nội dung về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 08 tháng 11 năm 2024 và thay thế các Quyết định:

1. Quyết định số 29/2018/QĐ-UBND ngày 22 tháng 10 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

2. Quyết định số 14/2020/QĐ-UBND ngày 04 tháng 5 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Kon Tum ban hành kèm theo Quyết

định số 29/2018/QĐ-UBND ngày 22 tháng 10 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum.

3. Quyết định số 01/2021/QĐ-UBND ngày 15 tháng 01 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

4. Quyết định số 23/2021/QĐ-UBND ngày 02 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Kon Tum ban hành kèm theo Quyết định số 29/2018/QĐ-UBND ngày 22 tháng 10 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum (đã được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 14/2020/QĐ-UBND ngày 04 tháng 5 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum).

5. Quyết định số 09/2023/QĐ-UBND ngày 21 tháng 3 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Kon Tum ban hành kèm theo Quyết định số 29/2018/QĐ-UBND ngày 22 tháng 10 năm 2018 (đã được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 14/2020/QĐ-UBND ngày 04 tháng 5 năm 2020 và Quyết định số 23/2021/QĐ-UBND ngày 02 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum).

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; Thủ trưởng các sở, ban ngành, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, xã hội - nghề nghiệp; các cơ quan đơn vị Trung ương đóng chân trên địa bàn tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; các cụm, khối thi đua và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
Lê Ngọc Tuấn

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Một số nội dung về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Kon Tum

(Ban hành kèm theo Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 29 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định:

1. Hình thức, nội dung tổ chức thi đua; cụm, khối thi đua và trách nhiệm triển khai tổ chức phong trào thi đua.

2. Nguyên tắc thi đua, căn cứ xét tặng danh hiệu thi đua; đối tượng, tiêu chuẩn xét tặng các danh hiệu thi đua, khen thưởng được quy định tại Điều 24, Điều 26, Điều 27, Điều 28, Điều 74, Điều 75 Luật Thi đua khen thưởng số 06/2022/QH15.

3. Hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh được quy định tại Điều 84 Luật Thi đua khen thưởng.

4. Các nội dung về công tác thi đua, khen thưởng có liên quan khác không quy định trong văn bản này thì thực hiện theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng; Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng; Thông tư số 01/2024/TT-BNV ngày 24 tháng 02 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định biện pháp thi hành Luật Thi đua, khen thưởng và Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân và các đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh Kon Tum (viết tắt là các cơ quan, đơn vị, địa phương); tập thể, cá nhân thuộc các cơ quan, đơn vị, địa phương trên; hộ gia đình, cá nhân người Việt Nam trong và ngoài tỉnh.

2. Người Việt Nam ở nước ngoài, người nước ngoài và các tổ chức nước ngoài tham gia các phong trào thi đua của tỉnh, có thành tích tiêu biểu, xuất sắc

đóng góp cho sự nghiệp phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh trên địa bàn tỉnh Kon Tum được khen thưởng theo Quy định này.

Chương II

HÌNH THỨC, NỘI DUNG TỔ CHỨC THI ĐUA; CỤM, KHỐI THI ĐUA VÀ TRÁCH NHIỆM TRIỂN KHAI TỔ CHỨC PHONG TRÀO THI ĐUA

Điều 3. Hình thức tổ chức thi đua

1. Thi đua thường xuyên thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Thông tư số 01/2024/TT-BNV.

Hàng năm, các cụm, khối thi đua và các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức phát động phong trào thi đua, ký kết giao ước thi đua trong cụm, khối và cơ quan, đơn vị. Kết thúc năm công tác, cụm trưởng, khối trưởng các cụm, khối thi đua của tỉnh; người đứng đầu cơ quan, đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn tiến hành tổng kết và bình xét khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng theo quy định.

2. Thi đua theo chuyên đề thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư số 01/2024/TT-BNV và các nội dung sau:

a) Khi tổ chức phong trào thi đua theo chuyên đề có thời gian từ 03 năm trở lên, các cơ quan, đơn vị, địa phương gửi Kế hoạch tổ chức phát động phong trào thi đua về Sở Nội vụ để theo dõi, tổng hợp và hướng dẫn khen thưởng;

b) Người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương khi sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua theo chuyên đề trong phạm vi cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện việc khen thưởng theo thẩm quyền;

c) Khi sơ kết, tổng kết phong trào thi đua có thời gian từ 03 năm trở lên, người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương lựa chọn các cá nhân, tập thể xuất sắc, tiêu biểu để đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, khen thưởng theo quy định.

Điều 4. Nội dung tổ chức phong trào thi đua

Nội dung tổ chức phong trào thi đua thực hiện theo quy định tại Điều 3 Thông tư số 01/2024/TT-BNV.

Điều 5. Tổ chức cụm, khối thi đua

1. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập cụm, khối thi đua của tỉnh gồm các sở, ban ngành, đoàn thể cấp tỉnh và tương đương; các huyện, thành phố và các tổ chức khác theo quy định.

2. Sở Nội vụ tham mưu hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh thành lập các cụm, khối thi đua của các đơn vị trực thuộc đảm bảo các quy định và phù hợp với tình hình thực tế của các cơ quan, đơn vị, địa phương; đồng thời có trách nhiệm hướng dẫn các cụm, khối thi đua trong tỉnh tổ chức hoạt động, bình xét, suy tôn đảm bảo theo các quy định hiện hành.

3. Cụm, khối thi đua hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, đoàn kết, hợp tác cùng phát triển, có nhiệm vụ tổ chức thực hiện các phong trào thi đua hằng năm do Trung ương, Ủy ban nhân dân tỉnh, các ngành, đơn vị, địa phương phát động; bình xét, suy tôn đơn vị trong cụm, khối có thành tích xuất sắc để đề nghị khen thưởng theo quy định.

Điều 6. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương trong triển khai tổ chức phong trào thi đua

Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, đơn vị trong công tác thi đua, khen thưởng được thực hiện theo quy định tại Điều 13 Luật Thi đua, khen thưởng; Điều 4 Thông tư số 01/2024/TT-BNV và các nội dung cụ thể như sau:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh có trách nhiệm chỉ đạo toàn diện, tổ chức phát động phong trào thi đua trên địa bàn tỉnh.

2. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh chịu trách nhiệm tham mưu cho Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về chủ trương, nội dung, chương trình, kế hoạch, biện pháp thi đua, thực hiện chính sách khen thưởng; tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức phát động các phong trào thi đua và chỉ đạo phong trào thi đua trong phạm vi toàn tỉnh.

3. Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; các xã, phường, thị trấn; Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc, Giám đốc doanh nghiệp thuộc tỉnh, Chủ nhiệm hợp tác xã có trách nhiệm tổ chức phát động, chỉ đạo tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát phong trào thi đua và công tác khen thưởng thuộc phạm vi quản lý; chủ trì, phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cùng cấp thực hiện nhiệm vụ chính trị được giao; chủ động phát hiện, lựa chọn các tập thể, cá nhân có thành tích xứng đáng trong phạm vi quản lý của mình để khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng; tạo điều kiện cho cá nhân được khen thưởng giao lưu, phổ biến kinh nghiệm, nhân rộng mô hình điển hình tiên tiến, cách làm hay, hiệu quả.

4. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh tổ chức và phối hợp với cơ quan nhà nước để phát động, triển khai các phong trào thi đua và các cuộc vận động, phổ biến kinh nghiệm, nhân rộng điển hình tiên tiến trên địa bàn tỉnh. Phối hợp, thống nhất hành động giữa các tổ chức thành viên, tham gia với các cơ quan chức năng để tuyên truyền, động viên đoàn viên, hội viên, các tầng lớp Nhân dân tham gia phong trào thi đua và thực hiện chính sách khen thưởng. Giám sát thực hiện pháp luật về thi đua, khen thưởng, kịp thời phản ánh, đề xuất các giải pháp để thực hiện có hiệu quả quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh.

Điều 7. Trách nhiệm của cơ quan làm công tác thi đua, khen thưởng trong triển khai tổ chức phong trào thi đua

1. Trách nhiệm của cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh (Sở Nội vụ):

a) Căn cứ nội dung phát động phong trào thi đua của Thủ tướng Chính phủ; Chỉ thị, Nghị quyết của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh; nhiệm vụ, chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm và giai đoạn của tỉnh, giúp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh về chủ trương, chương trình, kế hoạch, biện pháp thi đua nhằm hoàn thành tốt các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra. Định kỳ đánh giá kết quả thực hiện phong trào thi đua, công tác khen thưởng; tham mưu sơ kết, tổng kết công tác thi đua, khen thưởng;

b) Tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phát động phong trào thi đua trong phạm vi toàn tỉnh; thẩm định hồ sơ, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng theo quy định;

c) Phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan báo chí để phát hiện, tuyên truyền, nhân rộng điển hình tiên tiến.

2. Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp có trách nhiệm tham mưu cho lãnh đạo cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức phát động phong trào thi đua trong phạm vi cơ quan, đơn vị, địa phương và triển khai các phong trào thi đua do cấp trên phát động; tham mưu sơ kết, tổng kết phong trào thi đua; phát hiện, tuyên truyền, nhân rộng điển hình tiên tiến; đề xuất khen thưởng và các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác thi đua, khen thưởng.

CHƯƠNG III

NGUYÊN TẮC THI ĐUA, CĂN CỨ, ĐỐI TƯỢNG, TIÊU CHUẨN XÉT TẶNG DANH HIỆU THI ĐUA

Điều 8. Nguyên tắc thi đua, căn cứ xét tặng danh hiệu thi đua

1. Nguyên tắc thi đua được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Luật Thi đua, khen thưởng và theo nguyên tắc sau:

a) Việc tổ chức phong trào thi đua phải rộng khắp, thiết thực, hiệu quả, tránh hình thức, gắn với việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của cơ quan, đơn vị, địa phương; có tổ chức phát động thi đua, sơ kết, tổng kết phong trào thi đua;

b) Chú trọng công tác phát hiện, bồi dưỡng, tuyên truyền, nhân rộng điển hình tiên tiến trong phong trào thi đua.

2. Căn cứ xét tặng danh hiệu thi đua theo quy định tại Điều 7 Luật Thi đua khen thưởng và các căn cứ sau:

a) Việc xét tặng các danh hiệu thi đua phải căn cứ vào kết quả tham gia phong trào thi đua, kết quả bình xét, suy tôn của cụm, khối thi đua;

b) Căn cứ vào kết quả đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cấp có thẩm quyền đối với tập thể, cá nhân.

Điều 9. Danh hiệu “Lao động tiên tiến”

1. Danh hiệu “Lao động tiên tiến” được xét tặng hằng năm cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 1, Điều 24 Luật Thi đua, khen thưởng.

2. Danh hiệu “Lao động tiên tiến” được xét tặng công nhân, nông dân, người lao động đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Lao động, sản xuất có hiệu quả, tích cực tham gia phong trào thi đua và hoạt động xã hội;

b) Gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; có đạo đức, lối sống lành mạnh, đoàn kết, tương trợ, giúp đỡ mọi người trong cộng đồng;

c) Áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong lao động, sản xuất; có cách làm mang lại hiệu quả cao trong lao động, sản xuất.

3. Không bình xét danh hiệu “Lao động tiên tiến” đối với một trong các trường hợp sau đây:

a) Có thời gian tuyển dụng hoặc đang làm hợp đồng lao động dưới 6 tháng.

b) Nghỉ không tham gia công tác theo quy định của pháp luật trong năm từ 03 tháng đến 06 tháng, trừ trường hợp cá nhân nghỉ thai sản.

Điều 10. Danh hiệu “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh”

1. Danh hiệu “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh” được xét tặng hằng năm cho các tập thể đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 26 Luật Thi đua, khen thưởng và đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Có phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, hiệu quả; có nhân tố mới, mô hình mới để các tập thể, đơn vị khác trong tỉnh học tập;

b) Tập thể được đề nghị tặng “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh”, có tổ chức Đảng (nếu có), đoàn thể, chính quyền được xếp loại trong năm đề nghị khen thưởng “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ”.

2. Tập thể đã được đề nghị tặng danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ” nhưng không được xét tặng do chưa đảm bảo hồ sơ, thủ tục thì được xem xét tặng danh hiệu “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh” theo quy định chung. Không xem xét, tặng danh hiệu “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh” đối với tập thể không được tặng danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ” do có ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về vi phạm, khuyết điểm của tập thể dẫn tới không đảm bảo tiêu chuẩn khen thưởng.

3. Tặng cho tập thể dẫn đầu phong trào thi đua theo chuyên đề do tỉnh phát động có thời gian thực hiện từ 03 năm trở lên khi tổng kết phong trào và đạt

các tiêu chuẩn:

a) Tổ chức, triển khai thực hiện đầy đủ các nội dung của phong trào thi đua theo chuyên đề do tỉnh phát động; ban hành đầy đủ các văn bản thực hiện phong trào thi đua; có tổ chức sơ kết, tổng kết phong trào và khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu trong thực hiện phong trào theo thẩm quyền;

b) Hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu thi đua, nhiệm vụ đã đăng ký hoặc được giao trong phong trào; có mô hình mới, cách làm sáng tạo, đạt hiệu quả cao;

c) Nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Điều 11. Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”

1. Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” được xét tặng hằng năm cho các tập thể đạt tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 27 Luật Thi đua, khen thưởng và đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Nếu có tổ chức Đảng thì kết quả phân loại tổ chức Đảng trong năm đề nghị khen thưởng phải được xếp loại “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ”; nếu có các tổ chức đoàn thể phải được xếp loại “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ”;

b) Không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên.

2. Đối tượng xét, tặng danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” gồm:

a) Phòng, ban, trung tâm, chi cục và đơn vị tương đương thuộc sở, ban ngành, đoàn thể cấp tỉnh;

b) Các phòng, ban và đơn vị tương đương, các đơn vị trực thuộc cấp huyện, thành phố;

c) Các đơn vị sự nghiệp là trường học, bệnh viện gồm: khoa, phòng, tập thể tổ chuyên môn và tương đương trực thuộc;

d) Doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức kinh tế khác, các đơn vị trực thuộc như: xí nghiệp, phòng, ban, phân xưởng và tương đương thuộc các đơn vị sản xuất kinh doanh.

Điều 12. Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”

1. Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” được xét tặng hằng năm cho các tập thể đủ tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 1, Điều 28 Luật Thi đua, khen thưởng. Ngoài ra, nếu có tổ chức Đảng phải đạt “Hoàn thành tốt nhiệm vụ” trở lên, tổ chức đoàn thể phải được xếp loại “Hoàn thành tốt nhiệm vụ” trở lên hoặc tương đương trở lên.

2. Đối tượng xét, tặng danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” được thực hiện theo quy định tại khoản 2, Điều 11 của Quy định này.

CHƯƠNG IV TIÊU CHUẨN, ĐỐI TƯỢNG KHEN THƯỞNG

Điều 13. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh để tặng cho tập thể, hộ gia đình, tặng hoặc truy tặng cho cá nhân đạt tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 74 Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022.

2. Khen thưởng công trạng

Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh được xét tặng hằng năm vào dịp tổng kết cuối năm công tác (*hoặc năm học đối với hệ thống giáo dục quốc dân*) cho cá nhân, tập thể thường xuyên có thành tích xuất sắc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc và đạt tiêu chuẩn tại điểm d, điểm đ khoản 1; điểm d, khoản 3, Điều 74 Luật Thi đua, khen thưởng.

Đối với khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được: Tập thể, cá nhân đã được tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Huân chương thì sau 02 năm nếu đạt tiêu chuẩn theo quy định mới tiếp tục xem xét, đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen.

3. Khen thưởng đột xuất

a) Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng cho tập thể, cá nhân có thành tích đạt được ngoài chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ mà các nhân, tập thể phải đảm nhiệm hoặc được giao;

b) Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng cho tập thể, cá nhân lập thành tích xuất sắc đột xuất, có phạm vi ảnh hưởng, tác dụng nêu gương trong toàn tỉnh và đáp ứng một trong các tiêu chí sau:

Hoàn thành xuất sắc, vượt kế hoạch một nhiệm vụ đặc biệt, quan trọng, đột xuất do tỉnh giao; có hành động mưu trí, dũng cảm trong truy bắt tội phạm đặc biệt nguy hiểm, trong điều tra, truy tố, xét xử các vụ án đặc biệt nghiêm trọng; có thành tích đặc biệt xuất sắc trong công tác phòng chống, khắc phục thiên tai, hỏa hoạn, tìm kiếm cứu nạn, rà phá bom mìn, vật liệu nổ; có hành động, nghĩa cử cao đẹp, cứu giúp người, bảo vệ tài sản của Nhà nước, của Nhân dân, được dư luận xã hội hoan nghênh, có phạm vi ảnh hưởng và tác dụng nêu gương trong toàn tỉnh trở lên; cách làm hay, sáng tạo, đổi mới, đột phá, dám nghĩ, dám làm trong xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội được Ủy ban nhân dân cấp huyện, cơ quan cấp tỉnh ghi nhận và đề nghị khen thưởng.

Tập thể, cá nhân có phát minh, sáng chế, ứng dụng tiên bộ khoa học, kỹ thuật, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh chính trị, giữ gìn trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

Tập thể, cá nhân, hộ gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, có đóng góp bằng tiền, vật chất, công sức, đất đai phục vụ các chương trình, mục tiêu trọng điểm, phong trào từ thiện

xã hội trên địa bàn tỉnh; đối với tập thể có mức đóng góp được quy đổi có giá trị từ 200 triệu đồng trở lên; hộ gia đình, cá nhân có mức đóng góp được quy đổi có giá trị từ 100 triệu đồng trở lên.

4. Khen thưởng phong trào thi đua

a) Đối với phong trào thi đua do tỉnh phát động (*có Kế hoạch phát động của Ủy ban nhân dân tỉnh*), khi tiến hành sơ kết, tổng kết (*thời gian từ 03 năm trở lên*), cơ quan, đơn vị chủ trì lựa chọn tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu, xuất sắc đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét tặng Bằng khen, trong đó ưu tiên khen thưởng cho tập thể nhỏ, cá nhân trực tiếp thực hiện phong trào thi đua. Số lượng đề nghị khen thưởng không quá 15 tập thể, cá nhân;

b) Đối với các phong trào thi đua do cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức thì do Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương khen thưởng theo thẩm quyền. Đối với phong trào thi đua do cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức có phạm vi, tầm ảnh hưởng trong toàn tỉnh, có thời gian thực hiện từ 03 năm trở lên khi tiến hành sơ kết, tổng kết phong trào, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương lựa chọn những tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu xuất sắc đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét tặng Bằng khen; Số lượng đề nghị khen thưởng không quá 05 tập thể, cá nhân;

c) Đối với các phong trào thi đua do Trung ương phát động thì việc tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh được thực hiện theo hướng dẫn của Trung ương;

Trong một năm, mỗi tập thể hoặc cá nhân được đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng không quá 02 Bằng khen về thành tích chuyên đề (*trừ khen thưởng đột xuất*). Thành tích tham gia các chuyên đề thi đua khác sẽ được tổng hợp để xét khen thưởng toàn diện vào dịp tổng kết năm công tác.

5. Khen thưởng đối ngoại

Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng thưởng cho cá nhân, tập thể người Việt Nam định cư ở nước ngoài; cá nhân, tập thể người nước ngoài có thành tích đóng góp trong xây dựng, củng cố tình đoàn kết, hữu nghị, hợp tác, trong phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh của tỉnh.

6. Tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trong các trường hợp khác:

a) Tập thể, cá nhân thuộc các bộ, ngành Trung ương, các địa phương ngoài tỉnh, các nhà trường có nhiều đóng góp cho sự phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh của tỉnh;

b) Tập thể, cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ nhiệm kỳ trước nhân dịp đại hội nhiệm kỳ mới của các tổ chức, đơn vị cấp tỉnh. Số lượng đề nghị khen thưởng không quá 15 tập thể, cá nhân;

c) Tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu xuất sắc tại Đại hội Thi đua yêu nước, hội nghị biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, Hội nghị sơ kết, tổng kết

thực hiện nhiệm vụ theo Kế hoạch hoặc chủ trương của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh, khen thưởng thực hiện nhiệm vụ chính trị của tỉnh. Số lượng đề nghị tặng thưởng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định;

d) Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng không quá 05 tập thể, cá nhân (*10 tập thể, cá nhân đối với ngày thành lập huyện, thành phố*) có thành tích xuất sắc, đóng góp tích cực cho sự phát triển của ngành, đơn vị, của tỉnh, địa phương khi tổ chức kỷ niệm ngày thành lập, ngày truyền thống là các năm tròn (năm có chữ số cuối cùng là “0”), tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng có thời gian tham gia đóng góp đối với cơ quan, đơn vị, tổ chức, địa phương ít nhất từ 05 năm trở lên và không vi phạm kỷ luật dưới mọi hình thức;

đ) Khen thưởng đối với các kỳ thi, cuộc thi, hội thi

Đối với các kỳ thi, cuộc thi, hội thi quy mô cấp tỉnh, khu vực, cơ quan, đơn vị, tổ chức, địa phương làm nhiệm vụ thường trực trình Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng cho tập thể, cá nhân trực tiếp tham gia thi đạt giải nhất hoặc tương đương. Trường hợp trong một môn thi có nhiều giải nhất (*theo cơ cấu giải*) thì lựa chọn đề xuất 01 trường hợp xuất sắc, tiêu biểu nhất để đề nghị khen thưởng.

Đối với các kỳ thi, hội thi, cuộc thi, hội diễn cấp quốc gia, cơ quan, đơn vị, tổ chức, địa phương trình Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng cho tập thể, cá nhân (*bao gồm huấn luyện viên, giáo viên trực tiếp hướng dẫn tập thể, cá nhân đạt giải*) đạt Huy chương Vàng, Bạc, Đồng hoặc giải nhất, giải nhì, giải ba; riêng trong lĩnh vực văn nghệ, thể dục, thể thao, khen thưởng tập thể, cá nhân (*bao gồm huấn luyện viên trực tiếp hướng dẫn vận động viên đạt thành tích; biên đạo, đạo diễn đối với chương trình, tiết mục đạt giải*) tham gia thi đạt Huy chương Vàng hoặc giải nhất và tương đương hoặc tham gia thi đấu tại Đại hội Thể thao toàn quốc đạt Huy chương Vàng, Bạc, Đồng và tương đương.

Đối với các kỳ thi giải Quốc tế, giải khu vực Châu Á, Đông Nam Á, cơ quan, đơn vị, tổ chức, địa phương trình Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng tập thể, cá nhân (*bao gồm cả huấn luyện viên, giáo viên hướng dẫn tập thể, cá nhân đạt giải*) đạt Huy chương Vàng, Bạc, Đồng, giải khuyến khích hoặc hạng nhất, hạng nhì, hạng ba; giải thưởng của các tập thể, cá nhân phải có xác nhận của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam;

e) Tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh cho Doanh nhân, Doanh nghiệp hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Luật Hợp tác xã; được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và có nhiều đóng góp trong xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Kon Tum vào ngày 13 tháng 10 hằng năm.

Tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh cho các tập thể, cá nhân có thành tích trong công tác an sinh xã hội, góp phần xóa đói giảm nghèo trên địa bàn tỉnh nhân dịp “Ngày vì người nghèo” 17 tháng 10 hằng năm;

g) Tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh cho phóng viên của các cơ quan báo chí của tỉnh và phóng viên của các cơ quan báo chí khác

thường trú, hoạt động trên địa bàn tỉnh có thành tích tiêu biểu, xuất sắc, đóng góp vào việc xây dựng, phát triển của tỉnh Kon Tum;

h) Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh để truy tặng cho cá nhân đã từ trần mà trước đó có thành tích xuất sắc đột xuất và các trường hợp khác không quy định tại Điều này do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định;

i) Trong một số trường hợp khen thưởng khác phát sinh thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Nội vụ chủ trì phối hợp tham mưu, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 14. Giấy khen

Giấy khen của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị để tặng cho tập thể, hộ gia đình, tặng hoặc truy tặng cho cá nhân đạt tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 75 Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022.

1. Giấy khen gồm:

a) Giấy khen của Thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và tương đương;

b) Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố;

c) Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn;

d) Giấy khen của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc, Giám đốc doanh nghiệp, Chủ nhiệm hợp tác xã.

2. Giấy khen để tặng hằng năm cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, thực hiện tốt nghĩa vụ công dân;

b) Có phẩm chất đạo đức tốt; đoàn kết, gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước;

c) Thường xuyên học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

3. Giấy khen để tặng hằng năm cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, thực hiện tốt nghĩa vụ đối với Nhà nước;

b) Nội bộ đoàn kết, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở và tổ chức tốt các phong trào thi đua;

c) Chăm lo đời sống vật chất, tinh thần trong tập thể;

d) Chấp hành tốt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; thực hành tiết kiệm, chống tham nhũng, lãng phí; thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với mọi thành viên trong tập thể.

4. Giấy khen được tặng cho tập thể, cá nhân, hộ gia đình có thành tích đột xuất, dũng cảm cứu người, cứu tài sản, chống tham nhũng, gương người tốt, việc tốt, có thành tích xuất sắc trong công tác, trong phong trào thi đua; tập thể, cá nhân đạt thành tích cao tại các hội thi, hội diễn.

5. Giấy khen tặng cho tập thể, cá nhân, gia đình ngoài địa phương, đơn vị có nhiều đóng góp cho sự phát triển của địa phương, đơn vị.

CHƯƠNG V HỒ SƠ KHEN THƯỞNG

Điều 15. Thời điểm nhận hồ sơ, thông báo kết quả thẩm định và kết quả khen thưởng

1. Thời điểm nộp hồ sơ đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng (*trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Kon Tum*)

a) Đối với tập thể, cá nhân thuộc thẩm quyền đánh giá, xếp loại của cơ quan, tổ chức, địa phương: hồ sơ đề nghị khen thưởng theo công trạng (*hình thức Bằng khen, danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”*) trình trong tuần đầu tiên của tháng Năm hàng năm; hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” trình trong tuần thứ tư của tháng Năm hàng năm. Hồ sơ đề nghị khen thưởng thành tích tập thể, cá nhân thuộc hệ thống giáo dục quốc dân trình trong tháng Tám hàng năm đối với hình thức Bằng khen, danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” và trình trong tuần thứ nhất của tháng Tám hàng năm đối với danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”;

b) Đối với tập thể lãnh đạo quản lý và cá nhân lãnh đạo quản lý thuộc diện đánh giá xếp loại của cấp có thẩm quyền theo phân cấp quản lý cán bộ, việc đề nghị xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”; việc trình khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được (*hình thức Bằng khen, danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc”*) cho tập thể, cá nhân này thực hiện chậm nhất trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày có quyết định (*thông báo; kết luận*) của cấp có thẩm quyền về kết quả đánh giá xếp loại đối với tập thể, cá nhân đó;

c) Đối với cụm, khối thi đua do Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức: hồ sơ đề nghị khen thưởng theo năm công tác (*danh hiệu “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh” và Bằng khen*) trình trong tuần đầu tiên của tháng Tư hàng năm; hồ sơ đề nghị khen thưởng đối với khối thi đua thuộc ngành giáo dục và đào tạo, trình trong tháng Tám hàng năm;

d) Đối với các phòng chuyên môn và các cá nhân công tác tại Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện, thành phố: thời gian xét các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng theo năm công tác.

2. Đối với hồ sơ đề nghị khen thưởng cấp Nhà nước

a) Hồ sơ đề nghị Thủ tướng Chính phủ xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” trình trong tuần thứ hai của tháng Chín hàng năm;

b) Hồ sơ đề nghị Chính phủ tặng danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ” trình trong tuần đầu tiên của tháng Tư hàng năm; riêng khối thi đua thuộc ngành giáo dục và đào tạo, trình trong tháng Tám hàng năm;

c) Hồ sơ đề nghị khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được

(*Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Huân chương các hạng*) trình trong tuần đầu tiên của tháng Năm (*trừ trường hợp khen thưởng đột xuất, khen thưởng quá trình cống hiến và khen thưởng đối ngoại*). Riêng đối với hệ thống giáo dục quốc dân trình trong tháng Tám hằng năm.

3. Thời gian thông báo kết quả thẩm định, xét khen thưởng

a) Sau khi nhận được Quyết định khen thưởng của cấp có thẩm quyền, trong thời hạn 05 ngày làm việc, Sở Nội vụ thông báo và gửi kết quả khen thưởng cho các trường hợp được khen thưởng;

b) Đối với các trường hợp không đủ điều kiện, tiêu chuẩn, hồ sơ theo quy định, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định hoặc có thông báo về kết quả khen thưởng của cấp trên, Sở Nội vụ thông báo bằng văn bản cho đơn vị trình khen thưởng.

Điều 16. Số lượng hồ sơ, báo cáo thành tích, xét trình khen thưởng

1. Số lượng hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng là 01 (một) bộ (bản chính).

2. Báo cáo thành tích đề nghị khen thưởng:

a) Báo cáo thành tích thực hiện theo các mẫu quy định tại phụ lục kèm theo và khoản 11, Điều 30 Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Thi đua, khen thưởng. Không dùng mẫu báo cáo thành tích loại hình khen thưởng này thay thế bằng báo cáo thành tích loại hình khen thưởng khác;

b) Trường hợp khen thưởng về thành tích xuất sắc trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học, phát minh, sáng chế phải có quyết định nghiệm thu, công nhận của cấp có thẩm quyền và các tài liệu chứng minh việc áp dụng đạt hiệu quả cao trong thực tiễn;

c) Báo cáo thành tích khen thưởng phải đảm bảo không bị trùng với các thành tích đã đề nghị khen thưởng trước đó, thực hiện đúng quy định tại điểm c khoản 2 Điều 5 Luật Thi đua, khen thưởng: “không khen thưởng nhiều lần, nhiều hình thức cho một thành tích đạt được”;

d) Báo cáo thành tích khen thưởng quá trình cống hiến của cá nhân đã hy sinh, tử trận phải do cơ quan quản lý trực tiếp cá nhân trước khi hy sinh, tử trận lập và đề nghị;

đ) Xác nhận báo cáo thành tích của cấp trình khen thưởng thực hiện theo Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ về công tác văn thư.

3. Xét trình khen thưởng

a) Đối với hồ sơ nộp trực tuyến phải đảm bảo thành phần hồ sơ theo quy định. Không sử dụng bản giấy để thay thế cho bản điện tử (*trừ hồ sơ khen thưởng có nội dung bí mật nhà nước*);

b) Việc khen thưởng tổ chức, cá nhân thuộc các tổ chức tôn giáo trên địa

bàn tỉnh phải có ý kiến của cơ quan quản lý nhà nước về tôn giáo (*Ban Tôn giáo, Sở Nội vụ*) và ý kiến của các cơ quan liên quan trước khi trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng và đề nghị cấp trên khen thưởng;

c) Sở Lao động - Thương binh và Xã hội làm cơ quan đầu mối tiếp nhận hồ sơ đề nghị khen thưởng thành tích trong công tác an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh hằng năm (*riêng đối với các doanh nghiệp đã hỗ trợ đối với công trình phúc lợi xã hội trên địa bàn tỉnh, giao Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp nhận hồ sơ gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp*);

d) Đối với các cá nhân, tập thể người Việt Nam định cư ở nước ngoài; cá nhân, tập thể người nước ngoài, khi đề nghị khen thưởng phải có ý kiến bằng văn bản của Sở Ngoại vụ, Công an tỉnh;

đ) Đối tượng đạt đủ tiêu chuẩn xét tặng: Huân chương, danh hiệu vinh dự nhà nước, “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước”, danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” phải được Sở Nội vụ đăng tải thông tin công khai trên phương tiện thông tin của tỉnh trong thời hạn 10 ngày làm việc trước khi trình Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh, Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh và Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, quyết định.

Điều 17. Lưu trữ hồ sơ khen thưởng

1. Sở Nội vụ có trách nhiệm lưu trữ hồ sơ khen thưởng của tỉnh để thuận tiện cho việc tra cứu hồ sơ, giải quyết đơn, thư khiếu nại của công dân hoặc xác nhận cho các đối tượng được hưởng chính sách khi có yêu cầu. Chế độ bảo quản hồ sơ thực hiện theo quy định pháp luật về lưu trữ.

2. Các cơ quan, đơn vị, địa phương có trách nhiệm lưu trữ, bảo quản hồ sơ khen thưởng của cấp mình theo quy định.

Chương VI ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 18. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh chỉ đạo và kiểm tra, giám sát thực hiện Quy định này. Sở Nội vụ có trách nhiệm đôn đốc, kiểm tra các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện Quy định này.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh qua Sở Nội vụ để xem xét bổ sung, sửa đổi kịp thời theo quy định của pháp luật. /.